

Số: 202/2024/QĐST-HNGĐ

C, ngày 24 tháng 5 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 150/2024/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 4 năm 2024, giữa:

Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị N**, sinh năm 1971.

Nơi cư trú: 279, ấp P, xã Q, huyện C, tỉnh Bến Tre.

Bị đơn: Anh **Phan Hải B**, sinh năm 1970.

Nơi cư trú: 279, ấp P, xã Q, huyện C, tỉnh Bến Tre.

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 15 tháng 5 năm 2024,

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 15 tháng 5 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn (07) bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị N và anh Phan Hải B.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về nuôi con chung: Chị N và anh B có 01 con chung tên Phan Tấn Q, sinh năm 1999 hiện đã trưởng thành và có khả năng lao động tự nuôi sống bản thân nên Tòa án không xem xét về nuôi con chung trong vụ án.

Về tài sản chung: Chị N và anh B tự thỏa thuận về tài sản chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không giải quyết trong cùng vụ án.

Về nợ chung: Chị N và anh B tự khai không có nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không giải quyết trong cùng vụ án.

Về án phí hôn nhân gia đình 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) do chị Nguyễn Thị N tự nguyện chịu nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0000294 ngày 28/3/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre. Chị Nguyễn Thị N được nhận lại số tiền 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng)

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- UBND xã Quới Thành, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre (Số 01, ngày 02/3/1998);
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, VP.

THẨM PHÁN

Lê Thị Lăng